

**BỘ CÂU HỎI CUỘC THI TRỰC TUYẾN
BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

Câu 1: *Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?*

a) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực ngày 27/11/2016.

b) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

c) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 20/6/2015 và có hiệu lực ngày 01/01/2018.

d) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực ngày 20/6/2017.

Câu 2: *Cơ sở của trách nhiệm hình sự là gì?*

a) Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Tất cả các hành vi được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

d) Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 3: *Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?*

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

c) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

d) Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Câu 4: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?

a) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

b) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.

d) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình một cách thiện chí, trung thực.

Câu 5: Ai không có trách nhiệm trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015?

a) Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

b) Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

c) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

d) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Câu 6: Tội phạm là gì?

a) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự.

b) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền,

lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

c) Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.

d) Tội phạm là người phạm tội và bị xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định.

Câu 7: Tội phạm được phân thành mấy loại?

a) 04 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

b) 03 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

c) 05 loại: Tội phạm rất ít nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

d) 02 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng.

Câu 8: Các hình phạt áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng như thế nào?

a) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

b) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm.

c) Phạt tù đến 03 năm.

d) Phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

Câu 9: Tội phạm nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?

a) Từ trên 02 năm tù đến 05 năm tù.

b) Từ 03 năm tù đến 07 năm tù.

c) Từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù.

d) Từ trên 03 năm tù đến 05 năm tù.

Câu 10: Tội phạm rất nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?

a) Từ trên 05 năm tù đến 7 năm tù.

b) Từ trên 07 năm tù đến 10 năm tù.

c) Từ 07 năm tù đến 15 năm tù.

d) Từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù.

Câu 11: *Khung hình phạt áp dụng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như thế nào?*

- a) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù.
- b) Từ trên 15 năm tù đến 30 năm tù, chung thân hoặc tử hình.
- c) Từ 20 năm tù đến 30 năm tù.
- d) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Câu 12: *Theo quy định của Bộ luật Hình sự, công dân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống tội phạm không?*

- a) Không có trách nhiệm.
- b) Trách nhiệm của cơ quan công an và tòa án.
- c) Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.
- d) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

Câu 13: *Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp nào sau đây?*

a) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó hoặc người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

b) Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng mặc kệ nó xảy ra vì nghĩ là do lỗi khách quan.

c) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù đã được cảnh báo hậu quả đó có thể xảy ra.

d) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Câu 14: *Người phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Chỉ chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

b) Chỉ chịu trách nhiệm về tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

d) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 15: *Thế nào là phạm tội chưa đạt?*

- a) Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.
- b) Phạm tội chưa đạt là thực hiện tội phạm nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội nên không có kết quả.
- c) Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện phạm tội đến cùng nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn nên không đạt kết quả.
- d) Phạm tội chưa đạt người phạm tội cố ý thực hiện đến cùng nhưng do người khác cản trở nên không đạt kết quả.

Câu 16: *Phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Người phạm tội chưa đạt không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Người phạm tội chưa đạt chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.
- d) Người phạm tội chưa đạt chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;

Câu 17: *Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là gì?*

- a) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.
- b) Tự ý nửa chừng là hành vi của người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng.
- c) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng vì có người ngăn cản.
- d) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng do bị ngăn cản hoặc không thể thực hiện được.

Câu 18: *Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Được miễn trách nhiệm hình sự.
- c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn trách nhiệm hình sự nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác.
- d) Được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

Câu 19: *Đồng phạm là gì?*

- a) Đồng phạm là phạm tội có hai người trở lên.
- b) Đồng phạm là hai người cùng phạm một tội.
- c) Đồng phạm là nhiều người thực hiện phạm tội.
- d) Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

Câu 20: *Phạm tội có tổ chức là gì?*

- a) Là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.
- b) Là hình thức nhiều người cùng thực hiện phạm tội.
- c) Là hình thức nhiều người cùng bàn bạc và cùng thực hiện.
- d) Là hình thức phạm tội do người khác chỉ đạo.

Câu 21: *Đồng phạm bao gồm những người nào?*

- a) Đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.
- b) Đồng phạm bao gồm người chỉ đạo điều hành, người xúi giục, người biết sự việc.
- c) Đồng phạm bao gồm người đứng đầu nhóm tội phạm, người thực hành, người giúp sức.
- d) Đồng phạm bao gồm người giúp sức, người thực hành.

Câu 22: *Người đồng phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành không?*

- a) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành, nếu không có hậu quả xảy ra.
- b) Người đồng phạm chỉ chịu trách nhiệm hình sự do mình chỉ đạo người thực hành nếu có hậu quả xảy ra.
- c) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.
- d) Người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

Câu 23: *Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó (sự kiện bất ngờ) có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ một số trường hợp khác.

Câu 24: Phòng vệ chính đáng có phải là tội phạm không?

a) Không phải là tội phạm.

b) Là tội phạm.

c) Không phải tội phạm, trừ một số trường hợp.

d) Là tội phạm khi gây hậu quả nghiêm trọng.

Câu 25: Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hậu quả nghiêm trọng xảy ra.

d) Phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 26: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là gì?

a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không còn là tội phạm.

b) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội được xóa trách nhiệm hình sự.

d) Là hết thời gian do Bộ luật Hình sự quy định thì được miễn tội.

Câu 27: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

a) 03 năm.

b) 05 năm.

c) 07 năm.

d) 04 năm.

Câu 28: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

a) 10 năm.

- b) 05 năm.
- c) 12 năm.
- d) 08 năm.

Câu 29: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm rất nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.
- c) 12 năm.
- d) 20 năm.

Câu 30: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.
- c) 20 năm.
- d) 30 năm.

Câu 31: Mục đích của hình phạt để làm gì?

- a) Nhằm trừng trị những người phạm tội.
- b) Nhằm đảm bảo trật tự xã hội và trừng trị cá nhân, pháp nhân phạm tội.
- c) Nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội, giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới.
- d) Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Câu 32: Các hình phạt chính nào áp dụng đối với người phạm tội?

- a) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.
- b) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.
- c) Án treo; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.
- d) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.

Câu 33: Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tiền thấp nhất là bao nhiêu?

- a) 1.000.000 đồng.
- b) 1.500.000 đồng.
- c) 2.000.000 đồng.
- d) Bằng mức lương tối thiểu.

Câu 34: Thời gian áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là bao lâu?

- a) Từ 03 tháng đến 02 năm.
- b) Từ 06 tháng đến 03 năm.
- c) Từ 01 năm đến 03 năm.
- d) Từ 06 tháng đến 02 năm.

Câu 35: Hình phạt trục xuất được áp dụng đối với người nào?

- a) Người nước ngoài phạm tội.
- b) Người Việt Nam phạm tội.
- c) Người Việt Nam và người nước ngoài phạm tội.
- d) Đối với tất cả người phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam.

Câu 36: Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối đa là bao nhiêu năm?

- a) 20 năm.
- b) 25 năm.
- c) 30 năm.
- d) 15 năm.

Câu 37: Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là bao nhiêu?

- a) 03 tháng.
- b) 06 tháng.
- c) 09 tháng.
- d) 01 năm.

Câu 38: Hình phạt tù chung thân được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp nào?

- a) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

c) Tất cả các loại tội phạm nếu có nhiều tình tiết tăng nặng.

d) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

Câu 39: *Hình phạt tù chung thân có áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không?*

a) Có.

b) Không.

c) Áp dụng tùy trường hợp phạm tội.

d) Có, trong trường hợp phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 40: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống là bao nhiêu năm?*

a) 02 năm.

b) 03 năm.

c) 04 năm.

d) 05 năm.

Câu 41: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm là bao nhiêu năm?*

a) 06 năm.

b) 07 năm.

c) 10 năm.

d) 15 năm.

Câu 42: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm là bao nhiêu năm?*

a) 10 năm.

b) 15 năm.

c) 20 năm.

d) 25 năm.

Câu 43: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù chung thân hoặc tử hình là bao nhiêu năm?*

a) 15 năm.

b) 20 năm.

c) 25 năm.

d) 30 năm.

Câu 44: *Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với loại tội phạm nào?*

a) Tội phạm giết người.

b) Tội tham ô tài sản.

c) Tội khủng bố, chống loài người.

d) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh và một số tội khác do Bộ luật Hình sự quy định.

Câu 45: *Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt trong trường hợp nào?*

a) Chỉ trong trường hợp được đại xá.

b) Chỉ trong trường hợp được đặc xá.

c) Trường hợp bị ốm nặng.

d) Trong trường hợp được đại xá hoặc đặc xá.

Câu 46: *Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy từng trường hợp.

d) Có, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Câu 47: *Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì có khấu trừ thu nhập của người đó không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy trường hợp.

d) Trừ vào thu nhập của người giám hộ.

Câu 48: *Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là bao nhiêu?*

a) Không quá 1/2 thời hạn mà điều luật quy định.

b) 1/3 thời hạn mà điều luật quy định.

c) Không quá 2/3 thời hạn mà điều luật quy định.

d) 1/4 thời hạn mà điều luật quy định.

Câu 49: Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm?

- a) Cao nhất không quá 20 năm tù.
- b) Cao nhất không quá 15 năm tù.
- c) Cao nhất không quá 18 năm tù.
- d) Cao nhất không quá 17 năm tù.

Câu 50: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?

- a) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.
- c) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.
- d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự từ tội ít nghiêm trọng đến tội đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 51: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?

- a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các loại tội phạm.
- c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.
- d) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại một số điều của Bộ luật Hình sự.

Câu 52: Người che giấu tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

- a) Chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng và các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.
- d) Chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật Hình sự quy định. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự.

Câu 53: *Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 54: *Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.
- c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- d) Phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp phạm tội.

Câu 55: *Người không tố giác tội phạm là người bào chữa có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm an ninh quốc gia.
- d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

Câu 56: *Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các loại tội phạm nào sau đây?*

- a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.
- b) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Tội phạm giết người.
- d) Tội mua bán người.

Câu 57: *Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ nào?*

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hoặc khi có quyết định đại xá.

b) Khi có đơn xin đặc xá.

c) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, cho rằng hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

d) Khi có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Câu 58: *Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào?*

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo.

c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm.

d) Người phạm tội tích cực khắc phục hậu quả và có công hiến đặc biệt cho Nhà nước được xã hội thừa nhận.

Câu 59: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với người phạm tội?*

a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

b) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

c) Tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

d) Tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền.

Câu 60: *Các hình phạt chính nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

a) Phạt tiền.

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

d) Phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Câu 61: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

- a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.
- b) Cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.
- c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Câu 62: *Hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với loại tội phạm nào?*

- a) Tội phạm ít nghiêm trọng.
- b) Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ.
- c) Người phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng.
- d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Câu 63: *Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các tội phạm trong trường hợp nào?*

- a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.
- b) Tội phạm ma túy.
- c) Tội tham ô tài sản.
- d) Tội phạm liên quan đến tài sản.

Câu 64: *Cải tạo không giam giữ áp dụng trong trường hợp nào?*

- a) Từ 03 tháng đến 02 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.
- b) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.
- c) Từ 01 năm đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.
- d) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định.

Câu 65: *Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội trong trường hợp nào?*

- a) Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.
- b) Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng.
- c) Người phạm tội do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.
- d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Câu 66: *Trường hợp nào sau đây không áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội, hãy lựa chọn đáp án sai?*

- a) Người dưới 18 tuổi phạm tội.
- b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.
- c) Người từ đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.
- d) Người tích cực lập công, chuộc tội.

Câu 67: *Trường hợp nào sau đây không thi hành án tử hình đối với người bị kết án, hãy lựa chọn đáp án sai?*

- a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.
- b) Người đủ 75 tuổi trở lên.
- c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.
- d) Người bị bệnh.

Câu 68: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với người phạm tội?*

- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- c) Bắt buộc chữa bệnh.
- d) Khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Câu 69: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với pháp nhân phạm tội?*

- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu và thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.
- d) Bắt buộc chữa bệnh.

Câu 70: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
- d) Phạm tội có tổ chức.

Câu 71: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.
- b) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra.
- c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.
- d) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Câu 72: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- b) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức.
- c) Phạm tội do lạc hậu.
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

Câu 73: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên.
- b) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.
- c) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
- d) Phạm tội 02 lần trở lên.

Câu 74: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội tự thú hoặc người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- b) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.
- c) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.

d) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.

Câu 75: Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?

a) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.

b) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

c) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

d) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng.

Câu 76: Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?

a) Phạm tội có tổ chức hoặc phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

c) Phạm tội có tính chất côn đồ hoặc phạm tội vì động cơ đê hèn.

d) Phạm tội do lạc hậu.

Câu 77: Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?

a) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.

b) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

c) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác.

d) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

Câu 78: Thời hiệu thi hành bản án hình sự là gì?

a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án xem như không phạm tội.

b) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án được miễn chấp hành.

c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

d) Là khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Câu 79: *Người đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn không?*

- a) Có thể tha tù trước thời hạn khi có ý thức cải tạo tốt.
- b) Có thể tha tù trước thời hạn khi có nơi cư trú rõ ràng và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí.
- c) Không.
- d) Có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Bộ luật Hình sự.

Câu 80: *Trường hợp nào sau đây thì người bị xử phạt tù không được hoãn chấp hành hình phạt?*

- a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục.
- b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.
- c) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.
- d) Là người lao động duy nhất trong gia đình phạm tội bạo loạn.

Câu 81: *Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?*

- a) Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.
- b) Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.
- c) Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.
- d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 82: *Xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội có áp dụng hình phạt bổ sung không?*

- a) Có.
- b) Không.
- c) Tùy trường hợp cụ thể.
- d) Có, khi người phạm tội có tài sản riêng.

Câu 83: Các hình phạt nào được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?

- a) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn.
- b) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn; tù chung thân.
- c) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân.
- d) Cảnh cáo; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn.

Câu 84: Hình phạt cải tạo không giam giữ có thể không áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp loại tội phạm nào?

- a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý.
- b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng.
- c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.
- d) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cố ý phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 85: Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?

- a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.

Câu 86: Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm tù?

- a) Cao nhất không quá 10 năm tù.
- b) Cao nhất không quá 12 năm tù.
- c) Cao nhất không quá 15 năm tù.
- d) Cao nhất không quá 18 năm tù.

Câu 87: Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?

- a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.

d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.

Câu 88: *Pháp nhân thương mại bị tòa án quyết định cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định trong thời gian bao nhiêu năm?*

- a) Từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
- b) Từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
- c) Từ 01 đến 04 năm.
- d) Từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Câu 89: *Thời hạn đình chỉ hoạt động của pháp nhân thương mại là bao nhiêu?*

- a) Từ 03 tháng đến 03 năm.
- b) Từ 06 tháng đến 03 năm.
- c) Từ 06 tháng đến 02 năm.
- d) Từ 01 năm đến 03 năm.

Câu 90: *Pháp nhân thương mại phạm tội có bị đình chỉ vĩnh viễn không?*

- a) Có.
- b) Không.
- c) Tùy trường hợp.
- d) Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

Câu 91: *Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt không?*

- a) Không.
- b) Có.
- c) Tùy trường hợp.
- d) Có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Câu 92: *Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích không?*

- a) Không.
- b) Có.
- c) Tùy vào mức độ phạm tội của pháp nhân.
- d) Có, nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

Câu 93: Các tội nào sau đây không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hãy lựa chọn đáp án sai.

- a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.
- b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.
- c) Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.
- d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

Câu 94: Trường hợp người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước pháp luật trước khi hành vi phạm tội được phát hiện, thì có thể được?

- a) Coi là không có tội.
- b) Miễn trách nhiệm hình sự.
- c) Hưởng án treo.
- d) Giảm nhẹ hình phạt.

Câu 95: Tội tổ chức đua xe trái phép chỉ bị coi là tội phạm khi có kèm theo các dấu hiệu nào sau đây?

- a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
- b) Đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích.
- c) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này và đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích.
- d) Không cần dấu hiệu nào.

Câu 96: Tội tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, cấu thành tội phạm khi khối lượng hêrôin, côcain từ đủ?

- a) 0,01 gam.
- b) 0,1 gam.
- c) 01 gam.
- d) 0,5 gam.

Câu 97: Người nào sau đây không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự?

- a) Anh chị em ruột, cha, mẹ.

- b) Cậu, dì, chú, bác.
- c) Cô, dì, chú, bác.
- d) Người có quan hệ họ hàng.

Câu 98: *Đưa trẻ sinh ra trong vòng bao nhiêu ngày tuổi là con mới đẻ theo quy định trong tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ?*

- a) 05 ngày tuổi.
- b) 07 ngày tuổi.
- c) 10 ngày tuổi.
- d) 15 ngày tuổi.

Câu 99: *Mức hình phạt cao nhất đối với tội cướp tài sản?*

- a) Tử hình.
- b) Chung thân.
- c) 20 năm tù.
- d) 15 năm tù.

Câu 100: *A và B chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua bao nhiêu tiền thì bị xử lý hình sự?*

- a) Từ 1 triệu đến dưới 2 triệu.
- b) Từ 2 triệu đến dưới 5 triệu.
- c) Từ 5 triệu đồng trở lên.
- d) Từ 3 triệu đồng đến 05 triệu đồng.

Câu 101: *Buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu từ bao nhiêu gói sẽ bị xử lý hình sự?*

- a) 500 gói.
- b) 1.000 gói.
- c) 1.500 gói.
- d) 2.000 gói.

Câu 102: *Một người đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản thì có thể phạm vào tội nào sau đây?*

- a) Tội cướp tài sản.
- b) Tội cưỡng đoạt tài sản.
- c) Tội cướp giật tài sản.

d) Tội cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản.

Câu 103: *Trường hợp một người giả danh cán bộ thuế để lừa một người buôn lậu ra chỗ vắng rồi lợi dụng sơ hở giật hàng bỏ chạy thì phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội cướp giật tài sản.
- c) Tội giả mạo chức vụ cấp bậc.
- d) Không phạm tội.

Câu 104: *A là cảnh sát hình sự, B đánh người gây thương tích. A nói với B là sẽ giúp B không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, B nghĩ A là cảnh sát hình sự nên sẽ giúp được mình và đã đưa cho A số tiền 50 triệu đồng. Nhưng thực tế A không trực tiếp điều tra vụ án của B và cũng không giúp B như đã nói. Hỏi A phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.
- c) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
- d) Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Câu 105: *Trường hợp dùng vũ lực tấn công phụ nữ với ý định hiếp dâm nhưng bị chống cự quyết liệt nên đã giật dây chuyền bỏ chạy thì phạm tội gì?*

- a) Tội hiếp dâm.
- b) Tội cướp giật tài sản.
- c) Tội hiếp dâm và cướp giật tài sản.
- d) Tội cướp tài sản.

Câu 106: *Trường hợp đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng vì người bị đe dọa không trao tài sản nên người phạm tội đã thực hiện lời đe dọa giết người thì phạm tội gì?*

- a) Tội cưỡng đoạt tài sản.
- b) Tội cướp tài sản.
- c) Tội giết người, cướp tài sản.
- d) Tội giết người.

Câu 107: *Trường hợp dùng súng tê giác giả để bán thì phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội lừa dối khách hàng.
- c) Tội buôn bán hàng giả.

d) Tội kinh doanh trái phép.

Câu 108: *N 25 tuổi bị bệnh tâm thần bẩm sinh. Một lần ra đường, N đã bị chị M – người cùng xóm chọc ghẹo dẫn đến xô xát. Theo kết quả giám định y khoa, N đã gây tổn hại sức khỏe cho chị M hơn 40%. Hành vi của N thuộc trường hợp nào sau đây?*

- a) Chỉ chịu trách nhiệm dân sự (bồi thường tiền thuốc).
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.
- d) Chỉ chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 109: *Dùng tiền dụ dỗ trẻ em 15 tuổi là người nghiện ma túy để được giao cấu thì phạm tội gì?*

- a) Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- b) Tội cưỡng dâm người chưa thành niên.
- c) Tội giao cấu với trẻ em.
- d) Tội cưỡng dâm.

Câu 110: *Phá khóa nhà, dọn đồ vào ở khi chủ vắng nhà thì phạm tội gì?*

- a) Tội xâm phạm chỗ ở của người khác.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở.
- d) Tội sử dụng trái phép tài sản.

Câu 111: *A mua súng K54 cất giấu trong nhà, ý đồ khi có cơ hội sẽ sử dụng để cướp tài sản thì phạm tội gì?*

- a) Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng.
- b) Tội cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.
- c) Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng và cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.
- d) Tội cướp tài sản.

Câu 112: *Đóng giả Công an chặn kiểm tra đối tượng vận chuyển ma túy, làm người này đưa tiền và nộp số ma túy đang vận chuyển để được tha thì phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giả mạo chức vụ cấp bậc.
- b) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chiếm đoạt chất ma túy.
- c) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d) Tội chiếm đoạt chất ma túy.

Câu 113: *Điều tra viên nhận tiền hoặc lợi ích vật chất để làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

c) Tội nhận hối lộ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Câu 114: *Người có chức vụ quyền hạn, đã nhận tiền để không truy cứu trách nhiệm hình sự người đưa tiền thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

c) Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

d) Tội nhận hối lộ và không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

Câu 115: *Trưởng Công an phường thả người thân bị bắt do phạm tội quả tang thì phạm tội gì?*

a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.

b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

c) Tội tha trái pháp luật người bị bắt.

d) Tội che giấu tội phạm.

Câu 116: *A thuê B là tài xế lái xe taxi chở cho mình gần 400 gam heroin theo giá thỏa thuận và B đã đồng ý. Hỏi B có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gì?*

a) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

b) Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

c) Tội mua bán trái phép chất ma túy.

d) Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Câu 117: *Công dân dẫn giải người phạm tội quả tang đã nhận tiền của người phạm pháp để thả cho người đó bỏ trốn thì phạm tội gì?*

a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.

b) Tội tha trái pháp luật người bị bắt.

c) Tội che giấu tội phạm.

d) Tội nhận hối lộ.

Câu 118: *A đang sửa điện trên cây cột điện, B đi ngang qua thấy xe A để sát cây cột điện nên lấy xe của A, A thấy vậy nhưng không làm gì được. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 119: *C lên vào nhà M lấy xe máy. Dắt xe ra đến cổng thì bị M phát hiện, C lấy dao ra chống trả M và lấy được chiếc xe. Hỏi C phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 120: *A đeo dây chuyền vàng điều khiển xe lưu thông trên đường thì bị B chạy xe áp sát và giật dây chuyền của A. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 121: *Trên đường đi chơi về B thấy chị A say rượu nằm ngủ trên vỉa hè. Thấy chị A đeo nhiều nữ trang bằng vàng, B lấy đi toàn bộ tài sản trị giá trên 07 triệu đồng. Khi chị A thức dậy mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 122: *Chị A đi xe máy thăm người quen, dọc đường xe bị hỏng máy. Đang loay hoay khởi động lại xe thì thấy H đi qua. Chị A nhờ H giúp sửa chữa xe máy. Sau một hồi sửa chữa H ngồi lên yên, khởi động xe và phóng xe đi mất. Hỏi H phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giết tài sản.

Câu 123: *Người mẹ tên T do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu nên đã giết con gái do chính mình sinh ra mới được 10 ngày tuổi. Hỏi T phạm tội gì?*

- a) Tội giết người.
- b) Tội giết con mới đẻ.
- c) Không có tội.
- d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 124: *A có tâm sự với B về việc có mâu thuẫn và hận thù rất lớn với C; và A muốn chém C để trả thù. Sau đó, B đã dùng xe mô tô của mình chở A đến nhà trọ của C và đứng chờ ở ngoài. A vào phòng trọ dùng dao chém C nhiều nhát làm C chết trên đường đi cấp cứu. Sau đó B chở A về nhà và B cũng về nhà mình ngủ. Hỏi: B có phạm tội không?*

- a) B không phạm tội.
- b) B phạm tội giết người.
- c) B phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) B là người có liên quan.

Câu 125: *Do nhà V thường xuyên bị chuột ăn gà, nên V dùng dây điện hở quấn xung quanh chuồng gà để diệt chuột. Tối ngày 01/6/2018, V cắm đoạn dây điện quấn xung quanh chuồng gà vào nguồn điện chính trong nhà. Do chuồng gà nhà V kín, ở sâu trong hàng rào nên V nghĩ sẽ không có ai đến khu vực chuồng gà nên V vào nhà đi ngủ. Tối hôm đó, X là hàng xóm của V sang trộm gà của V và vướng vào dây điện do V quấn xung quanh chuồng gà và bị điện giật chết. Sáng hôm sau thức dậy, V thấy có người chết nên rút điện và báo chính quyền địa phương. Hỏi V có phạm tội không?*

- a) Phạm tội giết người.
- b) Phạm tội vô ý làm chết người.
- c) Phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) Phạm tội giết người trong khi thi hành công vụ.

Câu 126: *N 19 tuổi và M 12 tuổi có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018, N rủ M vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được M đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với M thì bị người nhà M phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, N có phạm tội không?*

- a) N không phạm tội.
- b) N phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) N phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.
- d) N phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 127: *V, 23 tuổi và T, 15 tuổi. V và T có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018 V rủ T vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được T đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với T thì bị người nhà T phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, T có phạm tội không?*

- a) T không phạm tội.
- b) T phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) T phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.
- d) T phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 128: *A nợ B số tiền 60 triệu đồng. Ngày 25/5/2018, B dẫn theo một số đối tượng đến nhà A để đòi nợ. A không có tiền trả nên B chỉ đạo một số đối tượng đi theo bắt, trói và dẫn A lên xe ô tô chở về nhà mình để tạo áp lực cho gia đình A trả nợ. B có phạm tội không?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.
- c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.
- d) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật và tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

Câu 129: *C nợ D số tiền 60 triệu đồng. Giấy vay nợ thể hiện C cầm cố tài sản là căn nhà gia đình C đang ở. Ngày 25/5/2018, D dẫn theo một số đối tượng đến nhà C để đòi nợ. C không có tiền trả nên D chỉ đạo một số đối tượng đi theo lục tìm các tài sản có giá trị và đuổi gia đình C ra ngoài. D có phạm tội không?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.
- c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.
- d) Phạm tội cướp tài sản.

Câu 130: *Do có mâu thuẫn từ trước, H nhiều lần dọa sẽ giết Q. Ngày 18/01/2018, H có hành vi dùng tuýp sắt đánh nhiều nhát vào đầu Q gây thương tích 60%. Hỏi H phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Tội giết người.

c) Tội cố ý gây thương tích.

d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 131: *B chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội trồng cây cần sa, đã liên hệ mua được 400 cây giống cần sa về trồng sau hè nhà của B. Sau đó bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Hỏi B có phạm tội không?*

a) Không phạm tội, chỉ bị xử lý hành chính về hành vi trên.

b) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự.

c) Phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

d) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự và phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Câu 132: *B rủ các đối tượng N, S, H, V tới nhà mình để sử dụng chất ma túy đã do B mua được trước đó. Sau khi sử dụng N có biểu hiện ngáo đá và dùng dao đâm chết S. Hỏi B phạm tội gì?*

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

c) Phạm tội giết người.

d) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội giết người.

Câu 133: *P là chủ nhà nghỉ. Lúc 21h có 02 đối tượng đến thuê 01 phòng để ở qua đêm. P đã làm các thủ tục theo quy định về cho thuê lưu trú. Lúc 22h công an kiểm tra nhà nghỉ phát hiện 02 đối tượng trên có hành vi sử dụng ma túy đá trong phòng. P không biết 02 đối tượng trên thuê phòng để sử dụng ma túy. Hỏi P có phạm tội không?*

a) Không phạm tội.

b) Không vi phạm.

c) Phạm tội tổ chức sử dụng ma túy.

d) Phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Câu 134: *T đã có giấy phép lái xe mô tô. Ngày 02/5/2018, bà H là mẹ của T nói T lấy xe mô tô chở bà đi công việc. Trên đường đi, T không làm chủ được tốc độ tông vào cột điện bên đường. Hậu quả làm bà H chết trên đường đi cấp cứu. Hỏi T có phạm tội không?*

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

c) Phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

d) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Câu 135: *A chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. B có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua 3 triệu đồng. A và B bị xử lý như thế nào?*

- a) A và B bị xử lý hình sự.
- b) A bị xử phạt vi phạm hành chính. B bị xử lý hình sự.
- c) A bị xử lý hình sự. B bị xử phạt vi phạm hành chính.
- d) A và B bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu 136: *Mua hàng được vận chuyển từ nước ngoài về mà biết rõ là hàng nhập lậu để bán thì phạm tội gì?*

- a) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- b) Phạm tội buôn bán hàng cấm.
- c) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội buôn bán hàng cấm.
- d) Phạm tội buôn lậu.

Câu 137: *Buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu từ 1.500 gói trở lên thì bị xử lý hình sự với tội danh gì?*

- a) Tội buôn lậu.
- b) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm.
- c) Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.
- d) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Câu 138: *Người nào tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ thì phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Tội giết người.
- c) Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.
- d) Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Câu 139: *Hình phạt cao nhất đối với tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi là gì?*

- a) Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.
- b) Từ 20 năm đến 50 năm.

c) Chung thân.

d) Tử hình.

Câu 140: *Người phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?*

a) Có tính chất chuyên nghiệp và thu lợi bất chính từ 300 triệu đồng trở lên.

b) Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

c) Thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng.

d) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Câu 141: *B là bạn của H. Ngày 25/5/2018, B mượn xe mô tô của H để đi công việc, nhưng sau đó B đem bán được 03 triệu đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau nhiều lần H gọi hỏi yêu cầu trả lại xe mô tô nhưng B không trả và bỏ trốn. Hỏi B phạm tội gì?*

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

c) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d) Phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Câu 142: *N (20 tuổi) không biết D mới 15 tuổi nên đã thực hiện hành vi mua dâm với D. Hỏi N phạm tội gì?*

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

c) Phạm tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

d) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

Câu 143: *Trồng bao nhiêu cây cần sa trở lên thì bị xử lý hình sự?*

a) 200 cây.

b) 300 cây.

c) 400 cây

d) 500 cây.

Câu 144: Công dân Việt Nam câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì phạm tội gì?

- a) Phạm tội phản bội Tổ quốc.
- b) Phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.
- c) Phạm tội gián điệp.
- d) Phạm tội xâm phạm an ninh lãnh thổ.

Câu 145: B phạm tội trên máy bay Việt Nam đang bay trên không phận của nước Nga. Hỏi: B có bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam hay không?

- a) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- c) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định.
- d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của nước Nga.

Câu 146: Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi suất cao, thu lợi bất chính từ 30 triệu trở lên sẽ bị xử lý hình sự tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nếu?

- a) Lãi suất gấp 04 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.
- b) Lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.
- c) Lãi suất gấp 06 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.
- d) Lãi suất gấp 07 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Câu 147: L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên của L và bán cho T và chiếm đoạt số tiền 500 triệu đồng. Hỏi L phạm tội gì?

- a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá khác.
- c) Phạm tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức.
- d) Phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Câu 148: *Cây xăng do N làm chủ đã sử dụng chip điện tử để làm giảm số lượng xăng bơm bán cho khách hàng, thu lợi bất chính. Hỏi N phạm tội gì?*

- a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Phạm tội lừa dối khách hàng.
- c) Phạm tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.
- d) Không phạm tội.

Câu 149: *H sử dụng ma túy đá, sau đó bị ảo giác tưởng N muốn giết mình nên đã có hành vi dùng dao đâm N chết tại chỗ. Hỏi H có phạm tội không?*

- a) Không phạm tội vì H đang bị ảo giác.
- b) H phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.
- c) H phạm tội giết người.
- d) H phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Câu 150: *A có ý định dùng dao tấn công để cướp tài sản của chị M. Nên A đã dùng dao đe dọa chị M. Nhưng A thấy chị M xinh đẹp nên đã thực hiện hành vi ép chị M quan hệ tình dục ngoài ý muốn. Sau đó, A bỏ trốn. Hỏi A phạm tội gì?*

- a) Phạm tội cướp tài sản.
- b) Phạm tội hiếp dâm.
- c) Phạm tội cướp tài sản và tội hiếp dâm.
- d) Phạm tội cưỡng dâm.